

ĐIỀU TRA, TỔNG KẾT VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH HỆ THỐNG CANH TÁC, NHẪM SỬ DỤNG HỢP LÝ ĐẤT NÔNG NGHIỆP CỦA VÙNG CÁT VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NAM .

Kỹ sư NGUYỄN MAI CHÂU
và cộng tác viên

I. ĐẶT VẤN ĐỀ :

Vùng cát ven biển tỉnh Quảng Nam là vùng có nông sản đa dạng, ngoài cây lúa còn có khoai lang, sắn, mè, rau đậu, cói, đay..., ngoài gia súc , gia cầm còn có nuôi trồng thủy - hải sản ... Qua đánh giá chung của ngành nông nghiệp , tuy vùng cát còn nhiều khó khăn về điều kiện sản xuất, nhưng vẫn là nơi có nền sản xuất đa dạng và ổn định. Để góp phần tìm hiểu , nghiên cứu xây dựng những mô hình canh tác có hiệu quả cho vùng cát và đặt cơ sở cho những bước đi tiếp theo , Kỹ sư Nguyễn Mai Châu và các cộng sự đã tiến hành thực hiện đề tài : *"Điều tra, tổng kết và xây dựng mô hình hệ thống canh tác, nhằm sử dụng hợp lý đất nông nghiệp vùng cát ven biển tỉnh Quảng Nam "*

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP :

1. Phương pháp :

- 1.1. Thu thập và tổng quan các tài liệu
- 1.2. Điều tra theo phương pháp RRA
- 1.3. Phân vùng điều tra
- 1.4. Phân vùng bố trí mô hình canh tác
- 1.5. Chọn một số chỉ tiêu để theo dõi

2. Nội dung

- 2.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên , kinh tế - xã hội vùng cát ven biển
- 2.2. Điều tra hệ canh tác
- 2.3. Đề xuất các mô hình giả thuyết
- 2.4. Thử nghiệm một số mô hình cải tiến

III. KẾT QUẢ

1. Thực trạng kinh tế- xã hội của vùng cát :

1.1. Diện tích tự nhiên vùng cát là 46.920,2 ha , chiếm 3,9% so với diện tích tự nhiên toàn tỉnh . Trong đó đất nông nghiệp là 15.128,5 ha chiếm 32,24 % diện tích tự nhiên của vùng . Bình quân mỗi hộ nông nghiệp có 4,074 m² đất sản xuất (mức bình quân cả tỉnh là 4.348,9m²). Tỷ lệ đất được tưới nước chủ động chỉ đạt 17,9% trong tổng số đất sản xuất nông nghiệp. Diện tích được làm đất cơ giới chỉ chiếm 0,5 % .

1.2.Vùng cát có tổng số 53.272 hộ , trong đó 37.135 hộ nông nghiệp (chiếm 69,7 %), có 9.332 hộ ngư nghiệp (chiếm 17,5%), hộ ngành nghề 6.525 hộ (chiếm 12,2%) . Lao động chính bình quân /hộ là 1,92 so với cả tỉnh là 2,18 người .

2. Thực trạng sản xuất nông nghiệp vùng cát qua 3 năm 1994-1996:

2.1.Về trồng trọt : Lúa là cây trồng chính, chiếm diện tích lớn nhất trong các loại cây trồng, chiếm hơn 35% diện tích đất nông nghiệp (1995). Qua 3 năm diện tích lúa giảm dần từ 6124 ha (năm 1994) xuống 5.315,8 ha (1995) và 5.139,8 ha (1996) và cây khoai lang cũng giảm diện tích từ 4.883,9 ha (1994) xuống 4.375,3 ha (1996) , trong khi rau màu tăng rất mạnh , chủ yếu là những cây ngắn ngày , tiêu thụ khá dễ dàng ở chợ nông thôn và đem lại thu nhập nhỏ những thường xuyên. Cây rau màu từ 795 ha(1994) lên 1,189,4 ha (1996) tăng 1,49 lần . Cây sắn, cây ngô khá ổn định qua các năm .

2.2.Về chăn nuôi : Tổng đàn gia súc tăng khá (gần 2000con/năm), chăn nuôi gia cầm cũng được đẩy mạnh . Vùng cát của tỉnh được xem là vùng có thể mạnh về chăn nuôi gia cầm gia súc bởi thức ăn nhiều, theo số liệu thu được, ở vùng cát bình quân 0,45 con gia súc và 2,2 con gia cầm /người trong khi cả tỉnh con số này tương ứng là 0,38 và 1,35.

3. Những điều kiện chính trực tiếp ảnh hưởng đến việc phát triển các hệ thống canh tác của vùng

3.1.Nhân lực

3.2.Đất đai, địa hình

3.3.Điều kiện tưới tiêu

3.4.Giao thông

3.5.Hệ thống thị trường và dịch vụ

3.6. Chính quyền, các đoàn thể và hoạt động khuyến nông.

4. Các hệ thống canh tác chính của nông hộ và của vùng

4.1 Hệ thống trồng trọt : có một số hệ thống chính sau :

- Lúa đông xuân - lúa xuân hè - lúa vụ 3
- Cây trồng cạn đông xuân - cây trồng cạn xuân hè - lúa hè thu muộn
- Lúa đông xuân - cây trồng cạn xuân hè - lúa hè thu muộn
- Cây trồng cạn vụ đông - cây trồng cạn vụ xuân - cây trồng cạn vụ hè - cây trồng cạn vụ thu
- Cây trồng cạn vụ đông xuân - cây trồng cạn vụ xuân hè - cây trồng cạn vụ hè thu
- Cây trồng cạn vụ đông xuân - bỏ hoá - cây trồng cạn vụ hè thu
- Cây trồng cạn vụ đông - cây trồng cạn vụ xuân - bỏ hoá
- Cây trồng cạn vụ đông - bỏ hoá
- Cây trồng cạn vụ đông - cây trồng cạn vụ xuân - cây trồng cạn vụ hè.

4.2. Hệ thống chăn nuôi :

Lợn là con vật nuôi chính trong tất cả các xã vùng cát, trâu bò ít được nuôi hơn. Mỗi hộ điều tra đều có nuôi lợn với số lượng từ 1-4 con trở lên, 86,7 % số hộ điều tra nuôi từ 1-2 lợn nái trở lên có kết hợp nuôi lợn thịt. Gia cầm được nuôi ở qui mô nhỏ, gia đình nào cũng có, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu gia đình và thỉnh thoảng bán để giải quyết các món tiền nhỏ.

4.3. Các hệ thống phụ liên quan :

Hệ thống chế biến nông sản : Toàn vùng không có cơ sở chế biến nông sản qui mô lớn, phần lớn đều rất giản đơn và mang tính tự cấp tự túc.

Ngành nghề và dịch vụ ở các nông hộ : Có thể nói không tìm ra được một ngành nghề nào mang tính phổ biến ở các nông hộ. Vào lúc nông nhàn thì người nông dân có thể buôn bán lật vật, hoặc đi làm thuê ở một số địa phương khác.

5. Đề xuất một số mô hình canh tác và các giải pháp kỹ thuật cải tiến

+ Hệ thống canh tác trên đất lúa nước độ phì khá (nhóm đất phù sa cổ ven sông, đất bồi tụ ven sông ...)

1. Lúa đông xuân - lúa xuân hè - lúa vụ 3 (chân địa hình trung bình)
- 2.* Lúa đông xuân - mè xuân hè - lúa hè thu
3. lúa đông xuân - lúa hè thu sớm (chân địa hình trũng)
- 4.** Trồng coi đất trũng nhiễm mặn ven sông Trường

+ Hệ thống canh tác trên đất lúa- màu không được tưới thuộc nhóm đất cát biển

5.* Khoai lang (xen ngô) đông xuân - mè xuân hè- lúa hè thu (chân trung bình đến cao)

6.* Đậu phụng (thuần hoặc xen ngô) đông xuân - mè xuân hè - lúa hè thu

7.** Ngô thuần đông xuân - rau cải dưới tán đậu cove- lúa hè thu muộn

8.** Dưa chuột /cà chua đông xuân - rau cải dưới tán đậu cove - lúa hè thu muộn

9.** Rau cải đông xuân - cà chua xuân hè xen cải dưới tán - lúa hè thu

10. Lúa đông xuân - khoai lang xuân hè xen đỗ xanh- lúa hè thu (chân hơi thấp)

11.** Đay - Mè/ đậu xanh xuân hè - khoai lang

+ Hệ thống canh tác trên đất màu (hầu hết là địa hình từ trung bình đến cao không có nước tự chảy)

12.** Rau cải vụ đông - cà chua xen cải - Mè xuân hè - Rau cải dưới tán đậu dũa

13** Rau vụ đông - đậu phụng xen ngô - Rau dưới tán đậu dũa - khoai lang thu

14** Rau vụ đông - dưa hấu - cà chua xen cải hè -rau cải dưới tán đậu dũa

15** Rau vụ đông - dưa chuột /đậu cove - rau dưới tán đậu dũa - mè hè thu

16**Rau vụ đông - đậu phụng đông xuân - mè xuân hè - rau cải dưới tán đậu

17** Rau vụ đông - bí xanh/đỏ/mướp đắng xen cải - cải (dưới giàn che đã thu hoạch) - mè hè thu

18* Đậu phụng/khoai lang - mè xuân hè - cải + đậu dũa hè thu (chân hơi thấp)

19* Cà chua / dưa leo - mè xuân- bỏ hóa (đất chân cao không thể tưới nước trong mùa nắng)

20. Khoai vụ đông gối sản từ tháng XII.

21. Mô hình nông lâm trong vườn nhà , vườn rừng : bờ vườn trồng đào , bờ líp trong vườn trồng xoài, thơm trồng ở mép dưới tán đào, môn hương trồng mép dưới của bờ , trong nông nghiệp trồng các loại rau , đậu, khoai lang ...

Ghi chú : (*) Mô hình có cải tiến nhỏ so với hiện trạng

(**) Mô hình có nhiều cải tiến cơ bản so với hiện trạng .

IV. KẾT LUẬN :

Vùng cát ven biển Quảng Nam tuy có điều kiện canh tác rất khó khăn nhưng vẫn có thể bố trí sản xuất những hệ thống canh tác tiến bộ, cho khối lượng hàng hóa lớn và giá trị kinh tế cao . Đặc biệt là thế mạnh của cây rau quả thực phẩm, có thể hình thành vùng chuyên canh rau của tỉnh ở vùng này .

Trong phạm vi của một đề tài khoa học, các tác giả đã hệ thống được thực trạng sản xuất nông nghiệp ở vùng cát trong 3 năm 1994-1996 và đưa ra các mô hình canh tác cải tiến và một số yếu tố kỹ thuật cần lưu ý , đồng thời thử nghiệm một số mô hình canh tác cải tiến và thấy rằng các mô hình này có nhiều ưu thế so với mô hình cũ .

Biên tập: CN. Lê Thị Thục

